

Số: 295/QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 25 tháng 5 năm 2016

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Đề án "Tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh tỉnh Bắc Giang đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030"**

SỞ CÔNG THƯƠNG BẮC GIANG	
Số: .....	Ngày: <u>30/5/16</u>
<b>ĐẾN</b>	Chuyên: <u>LTS</u>

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

*KHTC*  
*QLCN*  
*QLTM*  
Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ;

*ab*  
Căn cứ Quyết định 339/QĐ-TTg ngày 19/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án tổng thể tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh giai đoạn 2013-2020;

Căn cứ Quyết định số 269/QĐ-TTg ngày 02/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bắc Giang đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Chỉ thị số 11/CT-TTg ngày 19/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ triển khai trong ba năm 2013-2015 nhằm thực hiện Đề án tổng thể tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh giai đoạn 2013-2020;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 43/TTr-SKHĐT ngày 17/5/2016 về việc phê duyệt "Đề án tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh tỉnh Bắc Giang đến 2020, tầm nhìn đến năm 2030",

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Đề án "Tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh tỉnh Bắc Giang đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030" với nội dung chủ yếu như sau:

**1. Quan điểm về tái cơ cấu và đổi mới mô hình tăng trưởng**

1.1. Bảo đảm duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế cao là mục tiêu hàng đầu của tỉnh giai đoạn 2016 - 2020 để sớm rút ngắn khoảng cách phát triển với các tỉnh và cả nước.

1.2. Tái cơ cấu kinh tế và đổi mới mô hình tăng trưởng dựa trên việc tối ưu hóa phân bổ nguồn lực thông qua cơ chế thị trường. Đồng thời, đổi mới kinh tế phải đi cùng với đổi mới đồng bộ trong hệ thống quản lý nhà nước về kinh tế của tỉnh.

1.3. Thay đổi tư duy về mô hình tăng trưởng, từ đó có sự thay đổi trong cách tiếp cận hệ chính sách và giải pháp giải quyết vấn đề trên cơ sở xác định mục tiêu

tăng trưởng nhanh nhưng bền vững dựa trên sự cải thiện không ngừng năng suất lao động và hiệu quả của các yếu tố đầu vào đóng góp cho tăng trưởng; động lực tăng trưởng kinh tế chuyển mạnh từ chủ yếu dựa vào tăng quy mô các yếu tố đầu vào sang từng bước gia tăng hiệu quả, năng suất lao động và năng suất các yếu tố tổng hợp; nâng cao sức cạnh tranh của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh dựa trên quy mô sản xuất lớn, hiệu quả cao liên kết chặt chẽ trong cụm liên kết ngành; tiếp tục hội nhập sâu hơn vào chuỗi giá trị sản xuất toàn cầu.

1.4. Bảo đảm tăng trưởng bền vững gắn với hiệu quả kinh tế. Tăng trưởng bền vững thể hiện ở khả năng duy trì được một tốc độ tăng trưởng cao trong dài hạn. Điều này đặt ra yêu cầu: (i) Kết quả của tăng trưởng kinh tế được tạo nên bởi chính các yếu tố mà tỉnh Bắc Giang có thể mạnh, và cần phải tạo dựng, nuôi dưỡng và phát huy các thế mạnh đó, xem như là động lực chính để thực hiện các mục tiêu tăng trưởng kinh tế; (ii) Các yếu tố tăng trưởng theo chiều sâu ngày càng đóng vai trò tích cực và chiếm tỷ trọng cao trong kết quả tăng trưởng kinh tế.

Tăng trưởng hiệu quả phải dựa trên sự phát triển, đóng góp của các ngành, vùng động lực tăng trưởng. Trong đó phải xác định các ngành, vùng có lợi thế so sánh; tạo dựng để chuyển thành lợi thế cạnh tranh không chỉ trong phạm vi trong nước mà phải mở rộng ra phạm vi quốc tế; khai thác lợi thế cạnh tranh để bảo đảm sản xuất kinh doanh có hiệu quả và khả năng duy trì tính hiệu quả trong dài hạn.

1.5. Gắn sự thịnh vượng và tăng trưởng kinh tế với việc tạo tác động lan tỏa tích cực đến các đối tượng ảnh hưởng. Trong quá trình thực hiện tăng trưởng kinh tế, quan tâm nhiều hơn đến tác động của tăng trưởng thúc đẩy nâng cao thu nhập và mức sống, chất lượng cuộc sống dân cư và bền vững về môi trường.

1.6. Khu vực tư nhân trở thành động lực chủ yếu của tăng trưởng kinh tế; tính hiệu quả trong tăng trưởng kinh tế phải gắn liền với sự lớn mạnh của khu vực tư nhân và vai trò tham gia trực tiếp vào các lĩnh vực kinh tế của khu vực nhà nước có xu hướng giảm dần.

1.7. Tăng trưởng, phát triển kinh tế trên cơ sở nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ vào sản xuất. Đồng thời, tăng trưởng và phát triển được đặt trong mối liên kết vùng và hội nhập quốc tế.

1.8. Lấy việc hoàn thiện cơ chế, chính sách là chìa khóa để thực hiện mục tiêu tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng, là trụ đỡ, là cơ sở và điều kiện cho việc thực hiện các mục tiêu trong quá trình tái cơ cấu kinh tế.

## **2. Mục tiêu tái cơ cấu và đổi mới mô hình tăng trưởng**

### **2.1. Mục tiêu tổng quát**

Từng bước tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng cân đối giữa tăng trưởng theo chiều rộng và chiều sâu, có bước chuyển đổi cơ bản để phát triển theo chiều sâu sau năm 2020. Nâng cao hiệu quả phân bổ và sử dụng nguồn vốn đầu tư. Đẩy mạnh phát triển các ngành, sản phẩm tận dụng các lợi thế của địa phương; các ngành, sản phẩm có đóng góp giá trị cao cho nền kinh tế và giá trị gia tăng cao, có hiệu quả và sức cạnh tranh, nâng cao năng suất lao động. Gắn kết tăng trưởng nhanh với tiên bộ xã hội, bảo vệ và chống ô nhiễm môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu để hướng tới phát triển bền vững.

## 2.2. Mục tiêu cụ thể

Mục tiêu cụ thể của tái cơ cấu kinh tế là tạo dựng điều kiện để chuyển đổi mô hình tăng trưởng, nâng cao hiệu quả sử dụng đầu vào và phát triển năng lực đổi mới, sáng tạo, đảm bảo các mục tiêu đề ra trong quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội tỉnh Bắc Giang đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

(1) Giai đoạn 2016-2020, tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm của tỉnh (GRDP) bình quân hàng năm đạt từ 10-11%. Trong đó, công nghiệp - xây dựng đạt 14-15%/năm; nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt 3-3,5%/năm; dịch vụ đạt 8,5-9,5%/năm. Giai đoạn 2021-2030, tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm của tỉnh (GRDP) bình quân hàng năm đạt từ 9,5-10%.

Cơ cấu kinh tế đến năm 2020: Công nghiệp - xây dựng 42 - 43%; Dịch vụ 38-39%; Nông, lâm nghiệp, thủy sản 18-20%. Đến năm 2030, Công nghiệp, dịch vụ chiếm khoảng 88,5-89%.

(2) Phát triển các ngành, sản phẩm hàng hóa và dịch vụ chủ lực, có tiềm năng, lợi thế, có giá trị gia tăng cao, sức cạnh tranh, trong đó:

Sản phẩm	Cơ cấu trong GRDP (%)		
	Năm 2015	Năm 2020	Năm 2030
1. Hàng điện, điện tử, máy tính và phụ kiện	9,9	12,5-14	15,5-16,8
2. May mặc	3,0	4-4,5	5,5-6,5
3. Dịch vụ vận tải, kho bãi	3,2	3,6-4	4-4,6
4. Vải thiều	2,4	2,8-3	3,2-3,5
5. Dịch vụ lưu trú, ăn uống	0,8	1-1,5	2-2,5

(3) Giai đoạn 2016-2020, thu hút trên 230.000 tỷ đồng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội, tăng bình quân 16,3%/năm. Giai đoạn 2021-2030, tăng bình quân 15,8%/năm và tiếp tục quan tâm thu hút đầu tư, nâng cao tỷ trọng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) và vốn đầu tư doanh nghiệp trong nước trong cơ cấu vốn đầu tư.

- Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), giai đoạn 2016-2020 đạt 1,7 tỷ USD (tương đương 40.600 tỷ đồng), tăng bình quân 15,6%/năm, chiếm 17,4% trong cơ cấu vốn đầu tư. Giai đoạn 2021-2030, tăng bình quân 22%/năm, chiếm 29% trong cơ cấu vốn đầu tư.

- Vốn đầu tư khu vực doanh nghiệp trong nước, giai đoạn 2016-2020 đạt 63.700 tỷ đồng, tăng bình quân 21,9%/năm, chiếm 27,7%; giai đoạn 2021-2030, tăng bình quân 16,2%/năm, chiếm 28,5% trong cơ cấu vốn đầu tư.

(4) Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và tăng cơ cấu vốn đầu tư phân bổ cho các ngành kinh tế sử dụng có hiệu quả nguồn lực đầu tư, trong đó:

- Nâng cao hiệu quả đầu tư: hệ số ICOR năm 2015 là 5,9; năm 2020 là 5-5,5 và năm 2030 là 4,0.

- Cơ cấu vốn đầu tư cho các ngành ưu tiên:

STT	Ngành ưu tiên	Cơ cấu (%)		
		2011-2015	2016-2020	2021-2030
1	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	5,70	6,5	7,0
2	Công nghiệp chế biến	25,06	27,0	35,0
3	Hoạt động khoa học và công nghệ	0,5	0,8	1,5
4	Giáo dục và đào tạo	1,8	2,0	2,5

- Vốn đầu tư công: Tập trung đầu tư hạ tầng giao thông, phát triển đô thị, y tế, giáo dục.

(5) Nâng cao giá trị gia tăng các ngành sản xuất, nâng cao năng suất lao động; tỷ trọng đóng góp của lao động, năng suất các nhân tố tổng hợp vào tăng trưởng kinh tế.

- Giai đoạn 2016-2020, giảm tốc độ sụt giảm tỷ trọng giá trị gia tăng (VA) trong giá trị sản xuất (GO), sau năm 2020 phân đầu chuyển sang xu hướng gia tăng tỷ trọng VA trong GO.

- Nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo lên 70% năm 2020 và 95% năm 2030.

- Đến năm 2020 năng suất lao động bình quân đạt 95-100 triệu đồng, trong đó năng suất trong lĩnh vực nông nghiệp đạt 42-44 triệu đồng, Công nghiệp - xây dựng đạt 130-135 triệu đồng, Dịch vụ đạt 165-170 triệu đồng; tốc độ tăng năng suất lao động bình quân giai đoạn 2016-2020 đạt khoảng 8,5-9%/năm; giai đoạn 2021-2030 đạt khoảng 9,5-10%/năm.

- Tỷ trọng đóng góp của lao động tăng từ 19% năm 2015 lên 23% năm 2020 và 30% năm 2030. Năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) tăng từ 14% năm 2015 lên 20% năm 2020 và 30% năm 2030.

(6) Nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, hạ tầng đầu tư theo hướng đồng bộ, hiệu quả, cải cách hành chính được triển khai có hiệu quả, nâng cao trách nhiệm người đứng đầu cơ quan quản lý nhà nước; tạo môi trường kinh doanh thông thoáng, bình đẳng với mọi thành phần kinh tế, tạo thuận lợi thu hút các nhà đầu tư. Tập trung cải thiện chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) thông qua cải thiện các chỉ số thành phần, tăng bậc xếp hạng, phân đầu năm 2015 nằm trong nhóm 15 tỉnh, năm 2030 nằm trong nhóm 10 tỉnh đứng đầu cả nước; Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công cấp tỉnh nằm trong nhóm các tỉnh đứng đầu cả nước.

(7) Tỷ lệ hộ nghèo bình quân giai đoạn 2016-2020 giảm bình quân 2%/năm; Đến năm 2020, đưa Bắc Giang nằm trong nhóm các tỉnh đứng đầu về chỉ tiêu GRDP/người của vùng Trung du và Miền núi phía Bắc và bằng mức bình quân cả nước và đến năm 2030 bằng khoảng 1,2 lần mức bình quân cả nước.

(8) Tỷ lệ thu gom chất thải rắn năm 2020 đạt 70%, tỷ lệ thu gom được xử lý đạt 98%; tỷ lệ xử lý triệt để cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng đạt 100%. Tỷ lệ độ che phủ rừng đạt 38%.

### **3. Nội dung tái cơ cấu kinh tế**

#### **3.1. Định hướng về chất lượng tăng trưởng, cơ cấu kinh tế**

- Chuyển dần từ tăng trưởng theo chiều rộng sang tăng trưởng kết hợp hài hòa giữa chiều rộng và chiều sâu, nâng dần tỷ lệ đóng góp của yếu tố năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế.

- Tăng trưởng dựa trên những ngành có tiềm năng, lợi thế, tham gia chuỗi giá trị toàn cầu, chế biến sâu, có giá trị gia tăng cao và thân thiện với môi trường. Phát triển sản xuất nông nghiệp, công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp phụ trợ.

- Thu hút đầu tư vào các khu, cụm công nghiệp để tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng; phát triển dịch vụ du lịch, logistics để từng bước chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao tỷ trọng lĩnh vực dịch vụ trong cơ cấu kinh tế.

#### **3.2. Định hướng, giải pháp tái cơ cấu các ngành, lĩnh vực**

##### **3.2.1. Ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản**

Tổ chức và triển khai tái cơ cấu sản xuất nông nghiệp theo hướng nhà nước sẽ giữ vai trò hỗ trợ, tạo môi trường thuận lợi cho các hoạt động nghiên cứu, phát triển và chuyển giao khoa học, công nghệ, phát triển thị trường, cơ sở hạ tầng; định hướng xây dựng và phát triển các vùng chuyên canh quy mô lớn. Tổ chức sản xuất trên cơ sở tăng cường thâm canh, nâng cao hệ số sử dụng đất.

- Trồng trọt: Thực hiện cơ cấu lại diện tích các loại cây trồng để tận dụng lợi thế về điều kiện tự nhiên, địa hình, khí hậu. Thực hiện chuyển đổi khoảng 1.500 ha diện tích sản xuất lúa kém hiệu quả sang cây màu và cây trồng khác và nuôi trồng thủy sản; chuyển đổi khoảng 3.000 ha cây ăn quả sang trồng các cây ăn quả khác và cây lâm nghiệp. Ổn định diện tích lúa, tăng diện tích lúa chất lượng, diện tích sản xuất rau chế biến, rau an toàn.

Phát triển vải thiều (trọng tâm là vải thiều Lục Ngạn) và cây ăn quả (trọng tâm là cây có múi) theo hướng ổn định, diện tích vải thiều khoảng 30.000 ha (trong đó, diện tích vải sớm khoảng 6.000 ha, vải sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP 15.000 ha, vải đạt tiêu chuẩn xuất khẩu vào thị trường Mỹ, EU 250 ha); phát triển cây có múi (cam, bưởi) với diện tích khoảng 1.500 ha. Từng bước xây dựng cụm liên kết sản xuất cây ăn quả tại huyện Lục Ngạn với trọng tâm là sản phẩm vải thiều và cây có múi.

Xây dựng vùng thâm canh nông nghiệp công nghệ cao với các sản phẩm rau chế biến, khoai tây, nấm..., tập trung ở các huyện Lạng Giang, Yên Dũng, Lục Nam, Tân Yên, Hiệp Hòa với diện tích khoảng 26.000 ha, trong đó diện tích rau chế biến khoảng 2.600 ha, rau an toàn 5.400 ha. Phát triển và hình thành vùng sản xuất nấm tập trung tại các huyện Lạng Giang, Yên Dũng gắn với việc tận dụng các nguyên liệu sẵn có sau thu hoạch.

- Chăn nuôi: Phát triển sản phẩm chăn nuôi theo vùng với các sản phẩm chính là gà (gà đồi Yên Thế) và lợn thịt. Tập trung xây dựng cơ sở hạ tầng, tạo điều kiện để hình thành cụm tương hỗ gà đồi Yên Thế với quy mô từ 6-8 triệu con. Phát triển đàn lợn khoảng 1 triệu con. Nâng tỷ trọng chăn nuôi theo quy mô trang trại, gia trại và an toàn sinh học đạt 35% tổng đàn để cung cấp sản phẩm cho thị trường Hà Nội và khu vực xung quanh; phát triển chăn nuôi lợn quy mô trang trại, gia trại tại các huyện đồng bằng và trung du như Lục Nam, Lạng Giang, Yên Dũng, Việt Yên, Tân Yên và Hiệp Hòa.

- Lâm nghiệp: Điều chỉnh lại cơ cấu 3 loại rừng, theo hướng giảm diện tích rừng đặc dụng nghèo kiệt, tăng diện tích đất rừng sản xuất. Quy mô diện tích đất lâm nghiệp khoảng 146.435 ha. Cơ cấu 3 loại rừng: diện tích rừng đặc dụng khoảng 13.303 ha, rừng phòng hộ 16.764 ha và rừng sản xuất 110.870 ha.

Hình thành vùng sản xuất lâm nghiệp tại Lục Ngạn, Sơn Động, Yên Thế, Lục Nam (vườn rừng) quy mô khoảng 20.000 ha, trồng cây dược liệu dưới tán rừng với quy mô khoảng 2.000 ha. Xây dựng và nhân rộng các mô hình "cánh rừng mẫu lớn", chuyển từ trồng rừng gỗ nhỏ sang trồng rừng gỗ lớn, cây bản địa. Đến năm 2020, diện tích rừng gỗ lớn khoảng 8.400 ha, chiếm khoảng 10% tổng diện tích rừng trồng sản xuất. Tăng tỷ trọng sản phẩm chế biến sâu (gỗ dán, gỗ ghép thanh, ván MDF, đồ mộc xuất khẩu) lên 60% vào năm 2020.

- Thủy sản: Phát triển vùng chuyên nuôi trồng thủy sản tập trung tại các huyện Việt Yên, Tân Yên, Hiệp Hòa, Yên Dũng, Lạng Giang... Ngoài ra, phát triển vùng nuôi trồng thủy sản kết hợp với ruộng trũng tại các huyện Hiệp Hòa, Yên Dũng, Lạng Giang, Tân Yên, Lục Nam. Đồng thời, phát triển nuôi trồng thủy sản kết hợp mặt nước tại một số hồ lớn tại các huyện Lục Ngạn, Lục Nam, Sơn Động, Yên Thế, Lạng Giang. Mở rộng diện tích nuôi thủy sản năm 2020 đạt 12.500 ha, trong đó, diện tích nuôi chuyên canh đạt 5.800 ha, diện tích nuôi kết hợp ruộng trũng là 2.700 ha; nuôi mặt nước lớn 4.000 ha. Trong diện tích nuôi thủy sản chuyên canh, diện tích nuôi thâm canh đạt 1.400 ha, bán thâm canh 2.700 ha; diện tích nuôi an toàn sinh học đạt 700 ha, tập trung tại các huyện Việt Yên, Tân Yên, Hiệp Hòa, Yên Dũng, Lạng Giang, Lục Nam...

Tăng cơ cấu các loài thủy sản có giá trị và hiệu quả kinh tế cao, tập trung vào nuôi đối tượng hàng hóa chủ lực là rô phi đơn tính, chép lai, trắm cỏ, chim, cá nước lạnh, các loài thủy đặc sản ba ba, vược, lăng, diêu hồng... chiếm 70%.

### 3.2.2. Ngành công nghiệp

Thực hiện cơ cấu lại ngành công nghiệp theo hướng từng bước phát triển theo chiều sâu, tái cơ cấu ngay từ khâu thu hút đầu tư. Phát triển công nghiệp điện tử, may mặc, chế biến nông, lâm sản. Định hướng phát triển một số ngành công nghiệp của tỉnh Bắc Giang theo hướng ưu tiên sau:

- Ngành công nghiệp điện tử, máy tính và phụ kiện: Tập trung tại các khu công nghiệp, các cụm công nghiệp tại các huyện Việt Yên, Tân Yên, Hiệp Hòa, Yên Dũng, thành phố Bắc Giang. Trong giai đoạn từ nay đến năm 2020, thực hiện tiếp thu công nghệ nguồn và từng bước nâng cao tiềm lực công nghệ để chuyển từ gia công lắp ráp sang thiết kế, tự sản xuất sản phẩm hoàn chỉnh sau năm 2020.

- Ngành công nghiệp dệt may: Thu hút các dự án đầu tư ngành may mặc vào khu vực nông thôn, các địa bàn có lợi thế về lao động để giải quyết việc làm và chuyển dịch cơ cấu lao động tại chỗ. Phát triển công nghiệp dệt, các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp phụ trợ cho ngành dệt và may mặc tại các khu, cụm công nghiệp để tạo ra chuỗi giá trị trong sản xuất và bảo đảm vấn đề môi trường.

- Công nghiệp chế biến nông, lâm sản: Đối với ngành chế biến rau, quả xuất khẩu, khuyến khích đầu tư phát triển các nhà máy chế biến với công nghệ sản xuất tiên tiến, hiện đại gắn với xây dựng các vùng nguyên liệu tại chỗ để sản xuất các sản phẩm chất lượng cao cho thị trường trong nước và xuất khẩu. Thu hút đầu tư các dự án bảo

quản sản phẩm nông nghiệp sau thu hoạch với công nghệ, kỹ thuật tiên tiến, an toàn. Đối với ngành chế biến gỗ, đẩy mạnh chuyển hướng sang sản xuất các sản phẩm chế biến tinh xảo và đa dạng hóa sản phẩm nâng cao giá trị tăng thêm trong sản phẩm.

- Công nghiệp khai khoáng, hóa chất, sản xuất điện: Thực hiện khai thác cát, sỏi theo quy hoạch đã được phê duyệt gắn với việc đảm bảo phòng, chống lụt bão và bảo vệ môi trường. Duy trì ổn định quy mô, công suất Nhà máy đạm Hà Bắc, điện Sơn Động, đầu tư Nhà máy nhiệt điện Vũ Xá gắn với việc xử lý môi trường.

- Công nghiệp hỗ trợ: Phát triển một số ngành công nghiệp hỗ trợ chính như: Lĩnh vực linh kiện, phụ tùng, dệt may - da giày, công nghiệp công nghệ cao. Ưu tiên phát triển công nghiệp hỗ trợ đáp ứng nhu cầu nội địa với công nghệ tiên tiến, thân thiện môi trường.

- Ngành công nghiệp cơ khí: Tập trung vào 3 lĩnh vực chính gồm: (i) Sản xuất, lắp ráp thiết bị, máy móc, công cụ và phụ tùng phục vụ các ngành dệt may, da giày, chế biến gỗ, chế biến thực phẩm...; (ii) Sản xuất phụ tùng, linh kiện, cụm chi tiết; gia công cơ khí, đúc, rèn, tạo phôi lớn, nhiệt luyện, xử lý bề mặt, cung cấp nguyên liệu, bán thành phẩm tiêu chuẩn để chế tạo chi tiết, phụ tùng cho sản xuất thiết bị đồng bộ, máy công cụ, sản xuất ô tô, xe máy; (iii) Cơ khí chính xác, khuôn mẫu, vật liệu cắt gọt và gia công áp lực...

- Hàng thủ công mỹ nghệ: Phát triển sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ nhằm duy trì, bảo tồn và phát triển ngành nghề truyền thống như các nghề: Mây tre đan, đồ gỗ mỹ nghệ, gốm sứ... nhằm giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho lao động khu vực nông thôn, góp phần tăng trưởng kinh tế của tỉnh và an sinh xã hội. Xây dựng thương hiệu cho một số sản phẩm thủ công mỹ nghệ truyền thống.

### 3.2.3. Ngành dịch vụ:

Phát triển đa dạng các loại hình dịch vụ và nâng cao chất lượng, trình độ phát triển phù hợp với sự phát triển của kinh tế thị trường, nhu cầu của xã hội. Tập trung nguồn lực phát triển dịch vụ vận tải, logistics, dịch vụ du lịch và các dịch vụ liên quan đến phát triển du lịch. Định hướng tái cơ cấu ngành dịch vụ như sau:

- Phát triển dịch vụ vận tải, dịch vụ logistics; thu hút đầu tư xây dựng Trung tâm logistics quốc tế tại thành phố Bắc Giang, từng bước xây dựng Bắc Giang trở thành trung tâm dịch vụ logistics của khu vực.

Xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông với hệ thống các bến xe, kho bãi, phát triển vận tải hàng hóa, hành khách; xây dựng hệ thống các cảng đường thủy với hạ tầng kết nối đồng bộ như bộ phận bốc xếp hàng hóa, cầu cảng, đường dẫn để nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng loại hình vận tải đường thủy.

- Dịch vụ du lịch, vui chơi, giải trí: Phát triển du lịch hướng tới mục tiêu là lĩnh vực đột phá phát triển dịch vụ của tỉnh sau năm 2020. Tập trung hoàn thành sân golf dịch vụ Yên Dũng; khu du lịch tâm linh, sinh thái Tây Yên Tử, Chùa Vĩnh Nghiêm, di tích Những địa điểm khởi nghĩa Yên Thế, di tích lịch sử chiến thắng Xương Giang, Thiền viện Trúc lâm Phượng Hoàng, chùa Bồ Đà, khu du lịch Suối Mỡ; quy hoạch và kêu gọi đầu tư vào khu hồ Cẩm Sơn, núi Nham Biền... hình thành các khu vui chơi, nghỉ dưỡng. Đầu tư thêm một số điểm vui chơi, giải trí ở thành phố Bắc Giang và các thị trấn. Thu hút nhà đầu tư xây dựng sân golf Chu Điện - Khám Lạng, huyện Lục Nam.

Phối hợp, liên kết với các tỉnh để xây dựng các tour, tuyến du lịch văn hóa, lịch sử, tâm linh, sinh thái.

- Dịch vụ nhà hàng, khách sạn: Tạo điều kiện thuận lợi phát triển dịch vụ khách sạn, nhà hàng, khu nghỉ dưỡng đáp ứng nhu cầu của nhân dân trong tỉnh và khách du lịch. Tại thành phố Bắc Giang, các thị trấn khi thực hiện quy hoạch khu đô thị, khu dân cư mới bố trí khu vực quy hoạch phát triển khách sạn, nhà hàng.

- Dịch vụ bán buôn, bán lẻ: Xây dựng các chợ đầu mối, chợ bán lẻ, hệ thống kho bãi, trọng tâm là ở thành phố Bắc Giang, các thị trấn trung tâm của huyện. Thu hút xây dựng khu dịch vụ tổng hợp 35 ha tại xã Tân Dĩnh (khu vực quy hoạch chợ đầu mối, điểm dịch vụ, thương mại dọc đường tỉnh 293, các điểm du lịch trọng điểm của tỉnh); ưu tiên thu hút doanh nghiệp lớn vào đầu tư, hình thành chuỗi siêu thị, chuỗi bán buôn, bán lẻ; xây dựng chợ trung tâm tại thị trấn Thăng, thị trấn Chũ.

- Phát triển các dịch vụ tài chính, ngân hàng theo hướng tăng tỷ trọng đóng góp của các ngành này vào tăng trưởng kinh tế của tỉnh. Thực hiện nâng cao chất lượng, hiệu quả gắn với tái cơ cấu hệ thống ngân hàng.

Tập trung thu hút đầu tư xây dựng khu tài chính, khách sạn, siêu thị cao cấp dọc đường Nguyễn Văn Cừ, đường Hùng Vương, khu đô thị cao tầng Tây Nam, khu đô thị và khu liên hợp thể thao phía Nam thành phố Bắc Giang.

- Dịch vụ bưu chính, viễn thông: Phát triển bưu chính, viễn thông từng bước trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, đi trước một bước, làm động lực để phát triển. Đồng thời, phát triển theo hướng đồng bộ, hạ tầng dùng chung, nâng cao chất lượng các loại hình dịch vụ.

- Tiếp tục phát triển các loại hình dịch vụ khác như giáo dục - đào tạo, y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân, khoa học - công nghệ... Đồng thời, ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ về tiền thuê đất, giải phóng mặt bằng... để thúc đẩy phát triển các loại hình dịch vụ.

- Phát triển thị trường bất động sản, trước mắt tập trung đầu tư vào đô thị lớn và thị trường bình dân nhằm ổn định xã hội và khai thác, sử dụng hiệu quả nguồn lực đất đai, thị trường tiềm năng. Xây dựng cơ chế để thu hút đầu tư phát triển các khu đô thị, khu dân cư tại thành phố Bắc Giang và khu vực trung tâm các huyện.

- Tiếp tục duy trì các sản phẩm xuất khẩu lợi thế cạnh tranh, nâng dần tỷ trọng các sản phẩm xuất khẩu qua chế biến sâu, sản phẩm có hàm lượng công nghệ cao, có giá trị gia tăng cao gắn với các loại hình dịch vụ hỗ trợ xuất khẩu như logistic, tài chính, ngân hàng...

### **3.3. Chuyển dịch cơ cấu theo vùng lãnh thổ**

Chuyển dịch cơ cấu theo vùng dựa trên cơ sở xác định và phát huy tiềm năng, thế mạnh của từng vùng; đồng thời, có sự liên kết chặt chẽ giữa các vùng theo hướng đảm bảo tăng trưởng bền vững, hiệu quả, trong đó mũi nhọn được đặt vào vùng động lực để kéo các vùng khác của tỉnh cùng phát triển. Cụ thể các vùng phát triển của tỉnh như sau:

(1) Vùng động lực: Dọc theo tuyến Quốc lộ 1 và thành phố Bắc Giang, tập trung phát triển công nghiệp, dịch vụ, bao gồm các khu công nghiệp nằm trên tuyến, trung tâm logistics, dịch vụ vui chơi, giải trí, thương mại, khách sạn, nhà hàng.



Với vùng động lực, nghiên cứu các cơ chế, chính sách đặc thù để phát huy lợi thế nguồn lực đất đai, vị trí đại lý nhằm thu hút đầu tư, phát triển dịch vụ, công nghiệp, đầu tư công đóng vai trò dẫn dắt.

(2) Vùng phía Tây: Trung tâm vùng là huyện Hiệp Hòa, định hướng phát triển sản xuất, chế biến nông sản, hàng tiêu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ, du lịch.

Với vùng phía Tây, đầu tư công tập trung kết nối giao thông với vùng động lực và các tỉnh Bắc Ninh, Thái Nguyên, thành phố Hà Nội để tạo điều kiện phát triển công nghiệp phụ trợ, công nghiệp cơ khí.

(3) Vùng phía Đông Bắc: Trung tâm vùng là huyện Lục Ngạn. Đây là vùng miền núi rộng lớn, có tiềm năng để phát triển các loại cây ăn quả, cây lâm nghiệp, cây dược liệu, du lịch. Thời gian tới tập trung phát triển cây ăn quả, lâm nghiệp, công nghiệp chế biến nông, lâm sản, các loại hình du lịch văn hóa, tâm linh, sinh thái, nghỉ dưỡng, vừa đảm bảo phát triển bền vững, đồng thời, nâng cao đời sống của nhân dân vùng miền núi cao, đặc biệt là đời sống của đồng bào dân tộc thiểu số.

Vùng phía Đông Bắc là vùng có nhiều khu vực vùng sâu, vùng xa, đặc biệt khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo cao. Đầu tư công tập trung vào kết nối giao thông, đảm bảo an sinh xã hội và giảm nghèo bền vững.

### **3.4. Điều chỉnh cơ cấu đầu tư**

- Đối với đầu tư công: Tập trung đầu tư cho hệ thống kết cấu hạ tầng, trọng tâm là hạ tầng giao thông, đô thị, y tế, giáo dục. Đầu tư công tập trung đầu tư vào các lĩnh vực tư nhân không đầu tư, các chương trình đảm bảo an sinh xã hội. Tạo điều kiện hoặc hỗ trợ một phần để thu hút đầu tư vào các ngành, lĩnh vực, các dự án tư nhân có thể tham gia đầu tư.

- Đối với nguồn vốn đầu tư tư nhân: Trên cơ sở định hướng phát triển và chuyên dịch kinh tế của tỉnh, đẩy mạnh huy động các nguồn vốn cho phát triển kinh tế trên cơ sở ban hành các chính sách để định hướng, khuyến khích đầu tư vào các ngành, lĩnh vực ưu tiên, lĩnh vực đầu tư có hiệu quả; tăng tỷ trọng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội của ngành dịch vụ.

### **3.5. Phát triển doanh nghiệp**

- Tạo điều kiện phát triển mạnh và đa dạng khu vực doanh nghiệp tư nhân; khuyến khích và hỗ trợ hình thành các doanh nghiệp lớn, có thương hiệu của tỉnh. Hỗ trợ khởi sự doanh nghiệp; hỗ trợ đào tạo, nâng cao năng lực quản trị, cạnh tranh của các doanh nghiệp, kết nối, hỗ trợ các doanh nghiệp tìm kiếm thị trường, thúc đẩy phát triển doanh nghiệp của tỉnh, tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững.

- Xây dựng đội ngũ doanh nghiệp của tỉnh đủ mạnh để nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh cũng như đảm bảo sự phát triển bền vững.

- Tạo điều kiện thuận lợi và thu hút các tập đoàn kinh tế lớn trên thế giới có tiềm lực về vốn, thị trường, công nghệ, ưu tiên thu hút đầu tư vào các lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ sử dụng công nghệ cao, có giá trị gia tăng cao.

- Hoàn thành kế hoạch sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước của tỉnh theo tiến độ đã được phê duyệt.

- Cùng cố và phát triển các hợp tác xã theo quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012, các mô hình hợp tác có hiệu quả, đặc biệt là trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn gắn với phát triển các làng nghề, xây dựng nông thôn mới.

#### **4. Các nhóm giải pháp và tổ chức thực hiện**

##### **4.1. Các nhóm giải pháp chủ yếu**

###### **4.1.1. Thống nhất về tư tưởng chỉ đạo và thực thi**

Tập trung chỉ đạo, tuyên truyền để tạo sự đồng thuận và nâng cao nhận thức đầy đủ, toàn diện của cán bộ và nhân dân thông qua việc đẩy mạnh thông tin tuyên truyền, phổ biến chủ trương của Trung ương, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh về tái cơ cấu kinh tế và chuyển đổi mô hình tăng trưởng, cơ cấu đầu tư, nâng cao năng suất, hiệu quả và năng lực cạnh tranh, các biện pháp, những thuận lợi và khó khăn, thách thức của tỉnh.

4.1.2. Đẩy mạnh cải cách cơ chế, chính sách, cải cách hành chính, nâng cao tính cạnh tranh của môi trường đầu tư, kinh doanh

Tập trung cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, với mục tiêu nâng cao điểm số và xếp hạng chỉ số PCI, đến năm 2020 nằm trong nhóm 15 tỉnh, thành đứng đầu cả nước. Rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định về trình tự thủ tục thực hiện các dự án đầu tư bên ngoài các KCN. Xây dựng kế hoạch thực hiện thanh tra, kiểm tra liên ngành đối với các doanh nghiệp, các dự án thu hút đầu tư, tránh việc thanh tra, kiểm tra chồng chéo.

Đưa Trung tâm dịch vụ hành chính công của tỉnh vào hoạt động trong năm 2016; đưa phần mềm dùng chung tại bộ phận một cửa vào hoạt động ở toàn bộ các ngành, cấp chính quyền từ tỉnh đến xã, đảm bảo ứng dụng mang lại hiệu quả, thuận lợi cho các hoạt động, đặc biệt là đối với doanh nghiệp và người dân.

Thành lập Tổ giám sát việc thực hiện các thủ tục hành chính của các cơ quan, đơn vị, trong đó trọng tâm là các thủ tục hành chính liên quan đến công tác thu hút đầu tư, phát triển doanh nghiệp.

Công khai các thông tin, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quỹ đất chưa sử dụng làm căn cứ cho việc giới thiệu địa điểm, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất. Nghiên cứu thí điểm triển khai việc nhà nước thực hiện giải phóng mặt bằng để tạo quỹ đất sạch thu hút đầu tư đối với một số cụm, điểm công nghiệp có điều kiện thuận lợi.

Tiếp tục rà soát các thủ tục hành chính trên các lĩnh vực như đăng ký kinh doanh, đầu tư, đất đai, xây dựng, thuế... để giảm bớt các thủ tục không cần thiết, góp phần cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh của tỉnh.

Thường xuyên gặp gỡ giữa Lãnh đạo UBND tỉnh với cộng đồng doanh nghiệp để kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc và thông tin những định hướng phát triển của tỉnh. Thiết lập "đường dây nóng" tới Chủ tịch UBND tỉnh, phổ biến trên các phương tiện thông tin đại chúng để doanh nghiệp và người dân kịp thời phản ánh trực tiếp các bức xúc, khó khăn trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.

4.1.3. Vận dụng linh hoạt trong khuôn khổ pháp luật để ban hành các cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư, thu hút đầu tư tư nhân trong nước và đầu tư nước ngoài.

Xây dựng kế hoạch xúc tiến đầu tư giai đoạn 2016-2020 và hàng năm theo hướng xác định các ngành trọng tâm ưu tiên phát triển của tỉnh, trong đó tập trung vào các nhà đầu tư tiềm năng từ Nhật Bản, Hàn Quốc.

Tìm hiểu nhu cầu mở rộng sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp trong nhóm 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (VNR 500), trên cơ sở định hướng thu hút đầu tư của tỉnh, gửi tới các doanh nghiệp VNR 500 báo cáo tóm tắt các dự án ưu tiên thu hút đầu tư, các cơ chế, chính sách ưu đãi của tỉnh để mời gọi các doanh nghiệp VNR 500 về đầu tư tại tỉnh, đảm bảo sự ổn định cho nền kinh tế, hạn chế sự phụ thuộc của nền kinh tế vào khu vực FDI.

Củng cố bộ máy, đội ngũ cán bộ làm công tác xúc tiến thu hút đầu tư theo hướng chuyên nghiệp, chủ động, đúng trọng tâm, bám sát nhu cầu và thực tế của tỉnh. Nghiên cứu ban hành quy định về hỗ trợ các doanh nghiệp thực hiện dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp chế biến nông, lâm sản khi đầu tư vào các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

4.1.4. Tái cơ cấu đầu tư công, phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế-xã hội, trong đó ưu tiên phát triển hạ tầng giao thông, đô thị.

Tập trung xây dựng các quy hoạch, rà soát điều chỉnh các quy hoạch không còn phù hợp, nâng cao chất lượng các quy hoạch, tăng cường quản lý, kiểm tra việc thực hiện quy hoạch.

Hoàn thành việc lập kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 bám sát các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Nghiên cứu xây dựng tiêu chí đánh giá hiệu quả dự án đầu tư để làm cơ sở lựa chọn các dự án thực sự cấp bách, cấp thiết và hiệu quả kinh tế, xã hội cao trong quá trình triển khai đầu tư công.

Xây dựng quy định trình tự thủ tục và phân công nhiệm vụ thực hiện các dự án thực hiện theo hình thức đối tác công tư (PPP) trên địa bàn. Ban hành danh mục, xây dựng chủ trương sơ bộ các dự án mời gọi theo hình thức PPP trên địa bàn.

Tập trung hoàn thành một số dự án giao thông trọng điểm như quốc lộ 1 đoạn Bắc Giang – Lạng Sơn, quốc lộ 31, 37, đường tỉnh 293, 289, 295, đường vành đai 4 khu vực Thủ đô, cầu và đường dẫn khu vực Đông Sơn...

Huy động nguồn lực phát triển hệ thống đô thị dọc theo quốc lộ 1, 31, 37, các tuyến đường tỉnh 293 (bao gồm tuyến chính và các tuyến nhánh), 398, 296, 295, 295, 293, 292.... Đồng thời, cùng với phát triển đô thị là phát triển công nghiệp, dịch vụ dọc theo các tuyến. Coi trọng quy hoạch phân khu chức năng, dành đất đầu tư các công trình lớn, công trình tạo điểm nhấn đô thị. Triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp để thành phố Bắc Giang đạt các tiêu chí đô thị loại I vào năm 2018.

4.1.5. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, khuyến khích ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo theo hướng mở, hội nhập, xây dựng xã hội học tập, phát triển toàn diện năng lực, thể chất, nhân cách, đạo đức, lối sống, ý thức tôn trọng pháp luật và trách nhiệm công dân.

Thực hiện tốt công tác phân luồng, hướng nghiệp cho học sinh bậc học phổ thông. Phát triển đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý đáp ứng yêu cầu đổi mới. Tiếp tục hoàn thiện và thực hiện hiệu quả các chính sách hỗ trợ phát triển giáo dục, đào tạo cho các vùng khó khăn và các đối tượng chính sách. Xây dựng cơ chế đặc thù để thu hút, tuyển chọn và trọng dụng nhân tài.

Thực hiện đồng bộ các giải pháp phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao. Đẩy mạnh quá trình chuyển dịch lao động sang các ngành kinh tế có giá trị gia tăng cao, trong đó ưu tiên tăng cường công tác đào tạo nguồn nhân lực và phát triển doanh nghiệp ở khu vực nông thôn.

Nâng cao hiệu quả đào tạo, dạy nghề gắn với giải quyết việc làm. Tăng cường gắn kết giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp, huy động các doanh nghiệp tham gia dạy nghề trên cơ sở đổi mới công tác đào tạo nghề theo hướng khuyến khích doanh nghiệp tham gia dạy nghề và giải quyết việc làm tại chỗ.

Xây dựng và triển khai thực hiện Đề án phát triển trường Cao đẳng Ngô Gia Tự đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2030; Đề án phát triển Trường Cao đẳng nghề công nghệ Việt - Hàn Bắc Giang trở thành Trường nghề chất lượng cao vào năm 2020.

Rà soát, hoàn thiện cơ chế chính sách, tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương và Chiến lược phát triển khoa học công nghệ. Thực hiện hiệu quả Chương trình quốc gia về nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm hàng hóa của doanh nghiệp Việt Nam, các chương trình quốc gia về đổi mới công nghệ, phát triển công nghệ cao và sản phẩm quốc gia.

Thực hiện cơ chế đặc thù để phát triển các cơ sở nghiên cứu khoa học công nghệ. Xây dựng cơ chế, chính sách để khoa học công nghệ là đòn bẩy của quá trình tái cơ cấu kinh tế. Trong giai đoạn trước mắt tập trung ưu tiên sử dụng có hiệu quả công nghệ nhập khẩu với trọng tâm tạo bước tăng trưởng mạnh mẽ về chất lượng và hiệu quả nền kinh tế tỉnh. Tăng đầu tư cho khoa học công nghệ. Đẩy mạnh triển khai nghiên cứu và phát triển (R&D) với sự hợp tác của viện nghiên cứu, trường đại học tại Hà Nội, Thái Nguyên đối với sản phẩm chủ lực, ưu tiên sản phẩm tham gia cụm tương hỗ để tham gia chuỗi giá trị toàn cầu và giá trị gia tăng cao.

Xây dựng chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ; tích cực hỗ trợ các doanh nghiệp triển khai đổi mới công nghệ, tận dụng nguồn vốn Quỹ đổi mới công nghệ Quốc gia; Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ Quốc gia do Bộ Khoa học và Công nghệ quản lý.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin các hoạt động của cơ quan nhà nước, doanh nghiệp và trong dân cư.

4.1.6. Tái cơ cấu các ngành kinh tế, tập trung nâng cao năng suất và giá trị gia tăng của ngành kinh tế

Hoàn thành điều chỉnh quy hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn; xây dựng quy hoạch và đề án phát triển nông nghiệp công nghệ cao; xây dựng Đề án phát triển Bắc Giang trở thành vùng rau, cây ăn quả an toàn của khu vực miền Bắc, phục vụ các thị trường trọng điểm là Hà Nội, Hải Phòng và Quảng Ninh. Chủ động làm việc với TOP 20 các doanh nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp để mời gọi thu hút đầu tư vào các ngành hàng gồm vải, rau quả, lợn, gà. Tổ chức nghiên cứu thị trường tiêu thụ nông sản của tỉnh, xây dựng các thị trường mục tiêu tiêu thụ các sản phẩm chủ lực

gồm vải, rau quả, lợn, gà. Thường xuyên cập nhật thông tin thị trường về các sản phẩm nông nghiệp của tỉnh. Nghiên cứu ban hành chính sách dồn điền, đổi thửa, tiến đến tích tụ ruộng đất để chuyển dần sang sản xuất lớn, chuyển dịch cơ cấu lao động. Nghiên cứu tham mưu chính sách nhà nước đứng ra hỗ trợ gom đất sản xuất cho doanh nghiệp để triển khai các dự án sản xuất quy mô lớn. Xây dựng và triển khai thực hiện Đề án xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường tiêu thụ theo hướng khai thác thị trường xuất khẩu mới như Mỹ, Canada, EU, Nhật Bản, Hàn Quốc, ASEAN cho mặt hàng vải, rau quả; xây dựng Đề án phát triển các mô hình hợp tác xã kiểu mới, các tổ hợp tác trong phát triển nông nghiệp hàng hóa.

Tập trung thu hút phát triển công nghiệp phụ trợ. Thực hiện tái cơ cấu ngay từ khâu thu hút đầu tư. Xây dựng kế hoạch đầu tư hạ tầng các cụm công nghiệp đến năm 2020; kế hoạch hỗ trợ nâng cao năng lực hội nhập và xúc tiến thương mại cho doanh nghiệp giai đoạn 2016-2020; Đề án định hướng xây dựng ngành công nghiệp điện tử và dệt may theo hướng gắn kết vào chuỗi sản xuất và cung ứng quốc tế, phát triển cụm liên kết ngành công nghiệp điện tử và dệt may; Đề án thu hút các dự án trong ngành công nghiệp chế biến nông lâm sản với công nghệ sản xuất tiên tiến, hiện đại gắn với xây dựng các vùng nguyên liệu tại chỗ để sản xuất các sản phẩm chất lượng cao cho thị trường trong nước và xuất khẩu. Chủ động hợp tác với tập đoàn dệt may Việt Nam, Hiệp hội dệt may nghiên cứu để Bắc Giang có thể tham gia vào chiến lược phát triển của ngành dệt may Việt Nam. Hỗ trợ Tập đoàn An Khánh triển khai dự án Nhiệt điện Vũ Xá.

Triển khai thực hiện có hiệu quả Chỉ thị của Tỉnh ủy về phát triển du lịch; xây dựng Chương trình phát triển du lịch tỉnh Bắc Giang đến năm 2020. Tập trung hoàn thành xây dựng khu văn hóa tâm linh Tây Yên Tử, Trung tâm logistics Đồng Sơn, khu vui chơi nghỉ dưỡng núi Nham Biền... Đa dạng hóa các sản phẩm du lịch và các sản phẩm đặc trưng của địa phương. Thiết kế khai thác du lịch làng nghề dựa trên các làng nghề truyền thống nổi tiếng có từ lâu đời như mây tre Tăng Tiến, gốm Thổ Hà, tầm tơ Hiệp Hòa, mộc mỹ nghệ làng Ké, bún Đa Mai, rượu Làng Vân, dệt thổ cẩm, nghề thêu đan của đồng bào các dân tộc...; du lịch làng nghề một mặt đem lại giá trị cao qua sản phẩm du lịch và sản phẩm xuất khẩu là những mặt hàng của làng nghề, một mặt bảo tồn và nâng cao tay nghề của các nghệ nhân.

4.1.7. Chuyển dịch cơ cấu theo thành phần kinh tế, tập trung phát triển doanh nghiệp ngoài quốc doanh và thu hút doanh nghiệp FDI

Xây dựng kế hoạch hỗ trợ tư vấn khởi nghiệp doanh nghiệp, phát triển doanh nghiệp địa phương; tập trung công tác tuyên truyền, hỗ trợ pháp lý, thủ tục thành lập doanh nghiệp, công khai các hồ sơ mẫu để doanh nghiệp có điều kiện tiếp cận; mở các lớp đào tạo, tập huấn ...

Đẩy mạnh công tác hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp trong đó, tập trung hỗ trợ các nhà đầu tư từ lúc tìm, khảo sát địa điểm đến khi hoàn thành việc bồi thường, giải phóng mặt bằng, triển khai dự án và đi vào hoạt động.

Tạo điều kiện thuận lợi và thu hút các tập đoàn lớn trên thế giới có tiềm lực về vốn, thị trường, công nghệ, ưu tiên vào các lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ sử dụng công nghệ cao, có giá trị gia tăng cao.

4.1.8. Chuyển dịch cơ cấu theo vùng lãnh thổ

Tập trung xây dựng vùng động lực (thành phố Bắc Giang và các khu công nghiệp) trở thành địa bàn phát triển đột phá, cực phát triển quan trọng, trung tâm giao thương và công nghiệp của vùng trung du và miền núi phía Bắc, có hệ thống kết cấu hạ tầng ngày càng đồng bộ, hiện đại. Xây dựng quy hoạch chung vùng động lực; đề án cụ thể hóa định hướng và cơ chế, chính sách phát triển vùng động lực.

Xây dựng Đề án chia tách địa giới hành chính huyện Lục Ngạn, thành lập thị xã Chũ (đô thị loại IV); xây dựng Đề án nâng cấp huyện Hiệp Hòa lên thị xã.

4.1.9. Tái cơ cấu, phát triển các ngành kinh tế theo hướng bền vững; giữ gìn, bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu

Triển khai xây dựng các cơ chế chính sách, huy động nguồn lực đầu tư phát triển các sản phẩm có tiềm năng, lợi thế cạnh tranh và giá trị kinh tế cao.

Phát triển các sản phẩm chủ lực là vải thiều, rau chế biến, gà, lợn theo hướng nâng cao giá trị, quy trình sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.

Thu hút các dự án đầu tư vào lĩnh vực sản xuất các sản phẩm điện, điện tử, máy tính và phụ kiện theo hướng có chọn lọc để từng bước chuyển từ chủ yếu gia công, lắp ráp sang sản xuất các sản phẩm hoàn chỉnh, nâng tỷ lệ nội địa hóa các sản phẩm và sự tham gia của các doanh nghiệp địa phương vào chuỗi sản xuất.

Tăng cường tuyên truyền để thay đổi nhận thức, hành vi của người dân và doanh nghiệp về vấn đề bảo vệ môi trường. Chủ động và thắt chặt quản lý các dự án ngay từ khâu đánh giá tác động môi trường trước khi hoạt động.

Xử lý triệt để 100% các cơ sở ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trên địa bàn. Xây dựng và triển khai có hiệu quả Quy hoạch chất thải rắn, xây dựng hệ thống quản lý, theo dõi chỉ tiêu thu gom, xử lý chất thải rắn (rác thải) đến cấp xã, đề xuất các giải pháp nâng cao tỷ lệ thu gom, xử lý rác thải trên địa bàn. Quan tâm xây dựng, thu hút dự án theo hình thức đối tác công tư (PPP) trong lĩnh vực thu gom, xử lý rác thải.

## **4.2. Nhiệm vụ, giải pháp đột phá**

Một là, coi việc đổi mới phương pháp chỉ đạo, điều hành với chỉ tiêu cụ thể là cải thiện chỉ số PCI và PAPI là khâu đột phá để tái cơ cấu kinh tế với mục tiêu đến năm 2020 Bắc Giang đứng trong 15 tỉnh đứng đầu về Chỉ tiêu năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) và chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI); ban hành các cơ chế, chính sách để tạo điều kiện cho phát triển doanh nghiệp.

Hai là, tập trung nguồn lực đầu tư kết cấu hạ tầng, trọng tâm là hạ tầng giao thông, đô thị; phát huy tối đa nguồn lực đất đai để thu hút các nguồn lực xã hội đầu tư theo hình thức PPP cho xây dựng kết cấu hạ tầng.

Ba là, phát triển và thu hút nhân lực, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động; đào tạo lao động nghề có chất lượng cao đáp ứng cho các trụ cột kinh tế của tỉnh (nông nghiệp, công nghiệp chế biến, may...), cung cấp lao động cho các doanh nghiệp, các tỉnh trong khu vực và xuất khẩu lao động...

## **4.3. Tổ chức thực hiện**

4.3.1. Các sở, ban, ngành, địa phương căn cứ Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bắc Giang đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; căn cứ mục tiêu, định hướng tái cơ cấu các ngành, lĩnh vực, theo chức năng, nhiệm vụ được giao

tham mưu xây dựng các kế hoạch, chương trình để cụ thể hóa Đề án. Đồng thời, cụ thể hóa thành các nhiệm vụ, giải pháp trong kế hoạch của UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết của Chính phủ, các nghị quyết của HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội hàng năm.

#### 4.3.2. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

Tham mưu thành lập Ban chỉ đạo tái cơ cấu kinh tế để thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo thực hiện, kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện tái cơ cấu kinh tế.

Tham mưu giúp UBND tỉnh định kỳ kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và các cấp có thẩm quyền và đề xuất sửa đổi, bổ sung Đề án trong trường hợp cần thiết.

#### 4.3.3. Sở Thông tin và Truyền thông, các cơ quan báo chí, phát thanh, truyền hình chủ động phối hợp với các sở, ban, ngành, chính quyền, đoàn thể các cấp thường xuyên cung cấp thông tin, tuyên truyền về các cơ chế, chính sách, tình hình và kết quả tái cơ cấu kinh tế.

#### 4.3.4. Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tư pháp theo chức năng, nhiệm vụ được giao phối hợp theo dõi, giám sát để đảm bảo các cơ chế chính sách, đề án, văn bản QPPL phục vụ tái cơ cấu kinh tế được soạn thảo theo đúng tiến độ; chủ trì thẩm tra, thẩm định nội dung dự thảo các cơ chế, chính sách, đề án... phù hợp với mục tiêu, quan điểm, nhiệm vụ, giải pháp tái cơ cấu kinh tế thể hiện trong Đề án này và quy định của pháp luật.

*(Có bảng phân công nhiệm vụ cụ thể cho các sở, ngành, địa phương kèm theo)*

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành. *l. Lu*

Nơi nhận: *VB*

- VP Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Bắc Giang;
- UBMT Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân tỉnh;
- VP Tỉnh ủy, các ban thuộc Tỉnh ủy;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các ban của HĐND tỉnh;
- Các sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh;
- Các cơ quan TW đóng trên địa bàn;
- Huyện ủy, Thành ủy, UBND các huyện, thành phố;
- VP UBND tỉnh;
- + Lãnh đạo VP; các Phòng, CV;
- + Lưu VT, TH.

TM. ỦY BAN DÂN DÂN  
CHỦ TỊCH

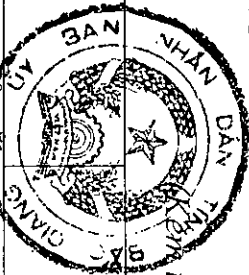


*Phanh*  
Nguyễn Văn Linh





**PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN TÀI CƠ CẤU KINH TẾ GẮN VỚI CHUYÊN ĐỘI MÔ HÌNH  
TĂNG TRƯỞNG THEO HƯỚNG NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG, HIỆU QUẢ VÀ NÂNG LỰC CẠNH TRANH  
TỈNH BẮC GIANG ĐẾN NĂM 2020, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030  
(theo Quyết định số 295/QĐ-UBND ngày 25 tháng 5 năm 2016 của UBND tỉnh)**



STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
I	Cải cách thể chế, nâng cao tính cạnh tranh của môi trường kinh doanh và cải cách hành chính			
	Thành lập Ban chỉ đạo Tài cơ cấu kinh tế của tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ngành, địa phương	2016
	Tham mưu thành lập Trung tâm dịch vụ hành chính công của tỉnh; chi đạo, đôn đốc các sở, ngành, địa phương đẩy mạnh thực hiện cải cách hành chính.	Sở Nội vụ		2016
	Nghi quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh giai đoạn 2016-2020	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ngành, địa phương	2016
	Quy định về trình tự, thủ tục thực hiện các dự án đầu tư bên ngoài các khu công nghiệp	Sở Kế hoạch và Đầu tư Ban Chỉ đạo hỗ trợ đầu tư và phát triển doanh nghiệp; các sở ban, ngành	Các sở, ngành, địa phương	2016
	Rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ các quy định của tỉnh, ngành, huyện, thành phố không còn phù hợp hoặc đang hạn chế hoạt động của doanh nghiệp			2016-2020
	Tổ chức xây dựng kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện để làm căn cứ cho việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất	UBND các huyện, thành phố	Sở Tài nguyên và Môi trường	2016-2020
	Xây dựng cơ sở dữ liệu và phân mềm quản lý các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh (bao gồm cả các dự án sử	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ngành, địa phương	2016-2017

	dụng vốn đầu tư công và các dự án thu hút đầu tư)	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ngành, địa phương	2016-2020
	Thường xuyên cập nhật các cơ chế, chính sách liên quan đến doanh nghiệp và các thông tin mới và hữu ích cho các doanh nghiệp, nhà đầu tư	Sở Ngoại vụ	Các sở, ngành, địa phương	2016
	Xây dựng Kế hoạch thông tin, tuyên truyền và hội nhập quốc tế; các nội dung hiệp định FTA của Việt Nam đã ký kết.	Sở Thông tin và Truyền thông, các cơ quan báo chí, phát thanh, truyền hình	Các sở, ngành, địa phương	2016-2020
<b>II</b>	<b>Tái cơ cấu các ngành kinh tế</b>			
<b>1</b>	<b>Nông nghiệp</b>			
	Điều chỉnh quy hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn	Sở NN&PTNT	Các sở, ngành, địa phương	2016
	Quy hoạch phát triển nông nghiệp công nghệ cao trên địa bàn tỉnh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030	Sở NN&PTNT	Các sở, ngành, địa phương	2017
	Đề án phát triển Bắc Giang trở thành vùng cây ăn quả trọng điểm của khu vực miền Bắc.	Sở NN&PTNT	UBND huyện Lục Ngạn	2017
	Đề án phát triển các mô hình hợp tác xã, các tổ hợp tác trong phát triển nông nghiệp hàng hóa	Liên minh HTX	Sở NN và PTNT, các ngành, địa phương	2016
	Xây dựng cơ chế, chính sách, mô hình khuyến khích việc đẩy mạnh quá trình tích tụ ruộng đất	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ngành, địa phương	2017
	Vải tươi và vải chế biến	Sở Công Thương	Doanh nghiệp	2016-2020
	Khai thác thị trường xuất khẩu mới: Mỹ, Canada EU, Nhật Bản, Hàn Quốc, ASEAN	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Công Thương, Doanh nghiệp	2016-2020
	Nghiên cứu bảo quản và chế biến vải tươi để tăng giá trị gia tăng của sản phẩm vải thiều	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Công Thương, Doanh nghiệp	2016-2020
	Nghiên cứu đa dạng sản phẩm vải thiều chế biến	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Công Thương, Doanh nghiệp	2016-2020

	Quả có mùi (carn, bưởi): quả tươi và chế biến	Nghiên cứu về giống, hỗ trợ giống, sản xuất sạch...	Sở NN và PTNT	Sở Khoa học và Công nghệ	2016-2020
		Liên kết với doanh nghiệp bán lẻ đưa sản phẩm tiêu thụ ở các siêu thị	Sở Công Thương	Các cơ quan, đơn vị liên quan	2016
		Tìm kiếm và xúc tiến bán hàng cho các doanh nghiệp chế biến thực phẩm	Sở Công Thương	Các cơ quan, đơn vị liên quan	2016
	Rau quả	Đảm bảo duy trì diện tích vùng nguyên liệu đã được quy hoạch	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các huyện, thành phố	2016-2020
		Nghiên cứu hỗ trợ nông dân gia tăng năng suất và chất lượng sản phẩm đạt tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Khoa học và Công nghệ	2016
		Nghiên cứu giống gà đặc trưng dân thay thế các loại gà kém chất lượng	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nông nghiệp và PTNT	2016
		Liên kết với doanh nghiệp bán lẻ đưa sản phẩm tiêu thụ ở các siêu thị	Sở Công Thương	Các sở, ngành, địa phương	2016-2020
<b>2</b>	<b>Công nghiệp</b>				
		Xây dựng chủ trương, chính sách về phát triển công nghiệp hỗ trợ; xây dựng Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ theo quy định tại Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03/11/2015 của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ	Sở Công Thương	Các sở, ngành liên quan	2016
		Điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển các cụm công nghiệp	Sở Công Thương	Các sở, ngành liên quan	2016
		Xây dựng Quy chế phối hợp, giám sát triển khai công tác hội nhập kinh tế quốc tế.	Sở Công Thương	Các sở, ngành liên quan	2016
		<i>Công nghiệp dệt may, điện tử</i>			
		Xây dựng Đề án thu hút đầu tư, phát triển cụm liên kết ngành điện tử, dệt may	Sở Công Thương	Các sở, ngành liên quan	2017
		Hợp tác với tập đoàn dệt may Việt Nam, Hiệp hội dệt may nghiên cứu lợi thế Bắc Giang để Bắc Giang có thể	Sở Công Thương	Các sở, ngành liên quan	2016

		tham gia vào chiến lược phát triển của ngành dệt may Việt Nam		Sở Công Thương	Các sở, ngành liên quan	2016-2020
		Xây dựng Đề án thu hút đơn vị/hãng trực tiếp sản xuất và cung ứng sản phẩm/dịch vụ cho ngành công nghiệp điện tử (Vendor)				
<b>3</b>	<b>Dịch vụ</b>					
		Chính sách phát triển hạ tầng thương mại		Sở Công thương	Các sở, ngành, địa phương	2016
	<i>Du lịch</i>	Xây dựng Nghị quyết phát triển du lịch đến năm 2020		Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các sở, ngành, các huyện, thành phố	2016
		Tập trung nguồn lực xây dựng khu văn hóa tâm linh Tây Yên tử		Các Sở, ban, ngành	UBND huyện Sơn Động	2016
		Xây dựng Đề án tổ chức lễ hội Yên Tử		Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các sở, ngành liên quan, UBND huyện Sơn Động	2017
		Xây dựng Đề án bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di tích quốc gia đặc biệt Chùa Vĩnh Nghiêm gắn với phát triển du lịch		UBND huyện Yên Dũng	Các sở, ngành liên quan	2016
		Xây dựng các sản phẩm đặc trưng của địa phương		Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các huyện, thành phố	2016-2020
		Xây dựng Đề án nghiên cứu đa dạng hóa các sản phẩm du lịch		Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các huyện, thành phố	2016-2020
		Xúc tiến, quảng bá lịch sử, văn hóa, thắng cảnh của tỉnh, đặc biệt chú trọng xúc tiến quảng bá qua internet		Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các sở, ngành, các huyện, thành phố	2016-2020
		Quy hoạch khu núi Nham Biền huyện Yên Dũng thành khu vui chơi nghỉ dưỡng		Sở Xây dựng	Các sở, ngành, UBND huyện Yên Dũng	2017
		Chính sách phát triển dịch vụ, du lịch, vui chơi giải trí đối với các khu, điểm du lịch trên địa bàn tỉnh		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở VH TT & DL, các cơ quan, đơn vị liên quan	2016

<i>Logistic</i>	Thu hút đầu tư Trung tâm logistics quốc tế tại xã Đông Sơn thành phố Bắc Giang	Sở Công Thương	Các sở, ngành liên quan và UBND TP Bắc Giang	2016	
	Thu hút nhà đầu tư xây dựng cụm cảng Đông Sơn	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Giao thông vận tải và các ngành liên quan	2016-2020	
<b>III</b>	<b>Huy động và sử dụng có hiệu quả nguồn lực đầu tư</b>				
		Xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ngành, địa phương	2016
		Xây dựng quy định đánh giá hiệu quả dự án đầu tư công trên địa bàn tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ngành, địa phương	2017
	Xây dựng danh mục các dự án đầu tư theo hình thức PPP hàng năm để thu hút đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ngành, địa phương	2016-2020	
<b>IV</b>	<b>Phát triển hoàn thiện kết cấu hạ tầng kinh tế-xã hội</b>				
		Xây dựng Đề án phát triển kết cấu hạ tầng giao thông đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; đề án phát triển giao thông nông thôn giai đoạn 2016-2020	Sở GTVT	Các sở, ngành, địa phương	2016
		Chương trình phát triển đô thị đến năm 2030	Sở Xây dựng	Các sở, ngành, địa phương	2016
		Xây dựng quy hoạch các khu công nghiệp mới; Xây dựng kế hoạch đầu tư hạ tầng các khu công nghiệp; kế hoạch thu hút đầu tư hạ tầng KCN tại xã Tăng Tiến huyện Việt Yên.	Ban Quản lý các khu công nghiệp	Các sở, ngành, địa phương	2016-2020
		Hoàn thành điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020).	Sở TN và MT	Các sở, ngành, địa phương	2016
	Xây dựng Đề án mở rộng địa giới hành chính thành phố Bắc Giang; Đề án nâng cấp từ 2-3 xã thành	UBND TP Bắc Giang	Sở Nội vụ, các ngành liên quan	2016	

		phường; kế hoạch đầu tư xây dựng khu đô thị phía Nam thành phố Bắc Giang.	UBND huyện Lục Ngạn	Các sở, ngành liên quan	2020
		Xây dựng đề án chia tách địa giới hành chính huyện Lục Ngạn, thành lập thị xã Chũ.	UBND huyện Hiệp Hòa	Các sở, ngành liên quan	2016
		Quy hoạch chung huyện Hiệp Hòa	UBND huyện Hiệp Hòa	Các sở, ngành liên quan	2020
		Đề án nâng cấp huyện Hiệp Hòa lên thị xã.			
<b>V</b>	<b>Phát triển doanh nghiệp</b>				
		Kế hoạch phát triển doanh nghiệp giai đoạn 2016-2020	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Hiệp hội doanh nghiệp, các ngành, địa phương	2016
		Nghiên cứu thành lập vườn ươm doanh nghiệp hoạt động theo hình thức công ty.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Hiệp hội doanh nghiệp	2017
		Kế hoạch hỗ trợ các hoạt động pháp lý cho doanh nghiệp	Sở Tư pháp	Sở Kế hoạch và Đầu tư, các Hiệp hội doanh nghiệp	2016
		Xây dựng kế hoạch hỗ trợ tư vấn khởi nghiệp doanh nghiệp, phát triển doanh nghiệp địa phương	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Hiệp hội doanh nghiệp	2016
<b>VI</b>	<b>Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao</b>				
		Tiếp tục triển khai thực hiện Quyết định số 1531/QĐ-UBND về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển nhân lực tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2011 – 2020	Các sở, ngành, địa phương		2016-2020
		Xây dựng Đề án đổi mới công tác đào tạo nghề theo hướng khuyến khích doanh nghiệp tham gia dạy nghề, nhất là các doanh nghiệp quy mô lớn.	Sở LĐ-TB và XH		2016

		Đề án xây dựng Trường Cao đẳng nghề công nghệ Việt - Hàn thành trường nghề chất lượng cao	Trường Cao đẳng nghề công nghệ Việt Hàn	Các sở LĐ-TB&XH, Giáo dục và Đào tạo; các sở, ngành, địa phương liên quan	2016
<b>VII</b>	<b>Phát triển khoa học công nghệ</b>				
		Mở rộng áp dụng công nghệ bảo quản nông sản, thực phẩm (CAS) cho các loại nông sản khác ngoài quả vải; Triển khai nghiên cứu ứng dụng công nghệ Juran (Israel) bảo quản vải và một số loại quả khác.	Sở Khoa học và Công nghệ		2016
		Xây dựng chính sách khuyến khích ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ mới phục vụ sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, doanh nhân.	Sở Khoa học và Công nghệ		2016
<b>VIII</b>	<b>Phát triển vùng kinh tế động lực</b>				
		Quy hoạch chung vùng kinh tế động lực của tỉnh	Sở Xây dựng	Các cơ quan có liên quan	2017
		Quy hoạch vùng tỉnh Bắc Giang đến năm 2030	Sở Xây dựng	Các cơ quan có liên quan	2017
		Đề án phát triển vùng kinh tế động lực	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các cơ quan có liên quan	2018

